

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 177/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Huyền T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn M, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Bùi Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn N xác nhận vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2011; Nguyễn Thị Thanh C, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2013; Nguyễn Bùi Anh T1, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2020. Ly hôn, chị T và anh N thoả thuận để chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, cháu C và cháu T1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được (Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng chị T tại địa chỉ thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình). Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T theo phương thức hàng tháng với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), thời gian thực hiện kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn N không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Huyền T tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000697 ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND TP.Phúc Yên;
- Chi cục THADS TP.Phúc Yên;
- UBND X.Ngọc Thanh, TP.Phúc Yên;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Anh Vũ